

PHỤ LỤC 1:
Phân công phụ trách theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chỉ tiêu và ban hành văn bản, chính sách
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026 của UBND xã Minh Tân)

| Stt | Chỉ tiêu/nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả thực hiện | Đơn vị chủ trì tổ chức triển khai và báo cáo kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|-----------|--|---|--|----------------------|---------|
| I. | Phân công phụ trách theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện các chỉ tiêu | | | | |
| 1. | Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; thể chế, chính sách số | | | | |
| 1.1. | 100% nhiệm vụ của xã giao được cụ thể hóa thực hiện bằng các văn bản, kế hoạch và theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên; | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các Phòng, ban; các cơ quan, đơn vị liên quan | Thường xuyên | |
| 1.2. | 100% các cơ quan, đơn vị xây dựng Kế hoạch hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia trong phạm vi, địa bàn quản lý và tổ chức triển khai các hoạt động thiết thực, hiệu quả, đảm bảo các chỉ tiêu đặt ra. | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng, ban; các cơ quan, đơn vị, thôn, xóm | Tháng 09/2026 | |
| 2. | Về hạ tầng số | | | | |
| 2.1. | Phủ sóng 5G đạt tối thiểu trên 70% dân số. | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các doanh nghiệp viễn thông | Tháng 12/2026 | |
| 2.2. | Tỉ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps đạt tối thiểu 70%. | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các doanh nghiệp viễn thông; | Tháng 12/2026 | |

| Stt | Chỉ tiêu/nhiệm vụ | Đơn vị chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả thực hiện | Đơn vị chủ trì tổ chức triển khai và báo cáo kết quả thực hiện | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|-----------|---|---|--|----------------------|---------|
| 2.3. | Phấn đấu 100% các cơ quan nhà nước có mạng nội bộ (LAN) đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và hoàn thiện chuyển đổi sang dải địa chỉ IPv6. | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng, ban; các đơn vị liên quan | Tháng 12/2026 | |
| 3. | Về nhân lực số | | | | |
| 3.1. | Tỉ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản đạt tối thiểu 100%. | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng, ban; các đơn vị liên quan | Tháng 11/2026 | |
| 3.2. | Tỉ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành, triển khai công việc đạt tối thiểu 90%. | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng, ban; các đơn vị liên quan | Tháng 11/2026 | |
| 3.3 | Tỷ lệ cán bộ phụ trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản: Đạt tối thiểu 30% | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng, ban; các đơn vị liên quan | Tháng 11/2026 | |
| 3.4. | Phấn đấu 100% thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn về kỹ năng sử dụng các dịch vụ số. | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng, ban; các đơn vị liên quan | Tháng 11/2026 | |

| | | | | | |
|------|---|------------------------|---|---------------|--|
| 3.5. | 100% học sinh trung học được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng bảo đảm an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số. | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các đơn vị trường học | Tháng 12/2026 | |
| 3.6. | trang thông tin điện tử của xã, trang mạng xã hội của các cơ quan, đơn vị, duy trì cập nhật thường xuyên tin bài tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số, Đề án 06/CP: Đạt 100 | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng, ban; các đơn vị liên quan. Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công | Thường xuyên | |
| 3.7 | 80% đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn ngành giáo dục có hiểu biết về chuyển đổi số, kiến thức và kỹ năng số, sử dụng được các nền tảng, dịch vụ số phục vụ công việc. | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các đơn vị trường học | Tháng 12/2026 | |
| 4 | Về phát triển dữ liệu số | | | | |
| 4.1. | 100% các cơ quan, đơn vị tham gia cung cấp, mở dữ liệu và cập nhật thường xuyên trên Cổng dữ liệu mở của tỉnh. | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng, ban; các đơn vị liên quan | Thường xuyên | |
| | 100% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn được kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia theo lộ trình, yêu cầu của Chính phủ. | Phòng Văn hoá - Xã hội | Phòng Văn hoá-Xã hội | Thường xuyên | |
| | Tỉ lệ hệ thống thông tin của xã được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây đạt tối thiểu 40%. | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng, ban; các đơn vị liên quan | Tháng 12/2026 | |

| | | | | | |
|----------|--|-------------------------|--|---------------|--|
| 5 | Về an toàn thông tin mạng | | | | |
| 5.1 | Tỉ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%; tỉ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%. | Công an xã | Phòng Văn hoá -Xã hội; Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị | Thường xuyên | |
| 5.2. | Tỷ lệ các cơ quan, ban ngành, đơn vị thực hiện triển khai giải pháp phòng chống vi rút, mã độc quản lý, giám sát tập trung: Đạt 100% | Công an xã | Phòng Văn hoá -Xã hội; Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị | Thường xuyên | |
| 5.3 | Tỷ lệ hệ thống thông tin, hạ tầng máy chủ, thiết bị tại xã được bảo vệ phòng, chống tấn công mạng, có giải pháp quản trị, vận hành và sao lưu, lưu trữ dự phòng | Phòng Văn hoá – Xã hội | Phòng Văn hoá -Xã hội | Thường xuyên | |
| 6 | Về phát triển chính quyền số | | | | |
| 6.1 | Phần đầu 100% văn bản (trừ văn bản mật theo quy định) trao đổi giữa các cơ quan nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số theo quy định. | Văn phòng HĐND- UBND xã | Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị. | Tháng 12/2026 | |
| 6.2 | Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc toàn trình trên môi trường điện tử của các cơ quan hành chính nhà nước | Văn phòng HĐND- UBND xã | Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị. | Tháng 12/2026 | |

| | | | | | |
|-----|---|-----------------------------------|----------------------------------|---------------|--|
| 6.2 | Tỷ lệ đảng uỷ, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất: Đạt 100% | Văn phòng Đảng uỷ | Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị | Tháng 12/2026 | |
| 6.4 | 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của cấp uỷ, chính quyền các cấp được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của xã và liên thông với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia. | Văn phòng HĐND- UBND xã | Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị. | Tháng 12/2026 | |
| 6.5 | Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền: Đạt 100% | Trung tâm phục vụ hành chính công | Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị. | Tháng 12/2026 | |
| 6.6 | dịch vụ công trực tuyến có đủ điều kiện theo quy định được công bố áp dụng dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động. Đạt 100% | Trung tâm phục vụ hành chính công | Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị | Tháng 12/2026 | |
| 6.7 | dịch vụ công trực tuyến có đủ điều kiện được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Đạt 100% | Trung tâm phục vụ hành chính công | Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị | Tháng 12/2026 | |
| 6.8 | Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến: Đạt tối thiểu 83% | Trung tâm phục vụ hành chính công | Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị | Tháng 11/2026 | |

| | | | | | |
|------|--|-----------------------------------|--|---------------|--|
| 6.9 | Tỉ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%. | Trung tâm phục vụ hành chính công | Trung tâm phục vụ hành chính công; Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị. | Tháng 11/2026 | |
| 6.10 | Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp: Đạt tối thiểu 60% | Trung tâm phục vụ hành chính công | Trung tâm phục vụ hành chính công; Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị. | Tháng 12/2026 | |
| 6.11 | Tỉ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%. | Trung tâm phục vụ hành chính công | Trung tâm phục vụ hành chính công; Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị | Tháng 10/2026 | |
| 6.12 | Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công: Đạt 83% | Trung tâm phục vụ hành chính công | Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị | Tháng 12/2026 | |
| 6.13 | Tỉ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong việc thực hiện TTHC, cung cấp DVC đạt tối thiểu 95%. | Trung tâm phục vụ hành chính công | Trung tâm phục vụ hành chính công; Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị. | Tháng 12/2026 | |
| 6.14 | Phần đầu tỉ lệ thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến đạt 100%. | Trung tâm phục vụ hành chính công | Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị. | Tháng 12/2026 | |
| 6.15 | Tỉ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hoá đạt tối thiểu 80%. | Trung tâm phục vụ hành chính công | Các phòng, ban; cơ quan, đơn vị. | Tháng 12/2025 | |

| | | | | | |
|-----|--|------------------------|--|---------------|--|
| 7 | Về kinh tế số | | | | |
| 7.1 | Tỉ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%. | Phòng kinh tế | Các Phòng, ban; các đơn vị liên quan | Tháng 11/2026 | |
| 7.2 | Tỉ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số đạt tối thiểu 30%. | Phòng kinh tế | Các Phòng, ban; các đơn vị liên quan | Tháng 11/2026 | |
| 7.3 | Phần đầu 80% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách. | Phòng Kinh tế | Chi cục thuế khu vực, các đơn vị liên quan | Tháng 10/2026 | |
| 8 | Về xã hội số | | | | |
| 8.1 | Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID) mức 2: Đạt tối thiểu 70% | Công an xã | Công an xã | Tháng 11/2026 | |
| 8.2 | 100% các cơ sở giáo dục từ cấp tiểu học đến trung học cơ sở trên địa bàn xã triển khai học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các đơn vị trường học | Tháng 11/2026 | |
| 8.3 | Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử: Đạt tối thiểu 90% | Trạm Y tế | Trạm Y tế | Tháng 11/2026 | |

| | | | | | |
|-----|---|------------------------|--------------------------------|---------------|--|
| 8.4 | Tỉ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông: Đạt 80% | Phòng Văn hoá - Xã hội | Các phòng ban, cơ quan, đơn vị | Tháng 12/2026 | |
|-----|---|------------------------|--------------------------------|---------------|--|